

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HỒNG BÀNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/DS-ST
Ngày 24-5-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Mười

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Kim Thu

Bà Nguyễn Thị Minh Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Trung - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC; địa chỉ trụ sở: Số 442 đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà D; nơi cư trú: Số 10 đường E, phường E, quận F, thành phố Hà Nội, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 2177/UQ-CNTL.23 ngày 20/7/2023); có mặt.

- Bị đơn: Ông TNHA; nơi cư trú: Số 6T2-4/1 G, phường H, quận I, thành phố Hải Phòng; vắng mặt không có lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà NLQ, nơi cư trú: Số 72C/151 đường Hùng Duệ Vương, phường Thượng Lý, quận I, thành phố Hải Phòng; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 26/12/2018 Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC (sau đây viết tắt là AC) đã ký hợp đồng với ông TNHA theo Hợp đồng cấp tín dụng số SHP.CN.173.261218 (số tài khoản: 275093579) ngày 26/12/2018. Số tiền cho vay 30.000.000 đồng, mục đích cho vay: Tiêu dùng tín chấp - Vay lẻ- Mua sắm trang thiết bị gia đình, phương thức cho vay: Cho vay từng lần, phương thức giải ngân: Chuyển toàn bộ số tiền vay vào tài khoản tiền gửi số 261571639 của ông TNHA tại AC, thời hạn vay: 24 tháng kể từ ngày kế tiếp ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay, lãi suất vay trong hạn: Tính theo dư nợ ban đầu: 9,50%/năm (LS1), tính theo dư nợ thực tế: 18,24%/năm (LS2), lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả lãi: 10.00%/năm.

AC cấp thẻ tín dụng cho ông TNHA căn cứ theo: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của ông TNHA ký ngày 23/11/2018, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của AC, các văn bản khác của ông TNHA ký với AC về sử dụng thẻ tín dụng chi tiết như sau:

- Số thẻ tín dụng: 4791 392550366245;
- Ngày cấp: 28/11/2018;
- Loại thẻ: Visa Vàng (thẻ tín dụng Quốc tế);
- Hạn mức thẻ: 24.000.000 (Hai mươi tư triệu) đồng;
- Hiệu lực thẻ: Tháng 11 năm 2021;
- Lãi suất (trong hạn, quá hạn, phí): Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của AC - là một phần không thể tách rời của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng.
- Vi phạm hợp đồng: Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng nêu trên, ông TNHA vi phạm nghĩa vụ trả nợ với AC từ ngày 20/7/2020. Do đó, căn cứ thỏa thuận giữa hai bên về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn, thì:
 - Ngày 25/8/2020, AC đã chuyển nợ quá hạn và thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay chưa thanh toán của hợp đồng cấp tín dụng số SHP.CN.173.261218.
 - Ngày 09/11/2020, AC đã chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với toàn bộ khoản thẻ chưa thanh toán của thẻ tín dụng số 4791 392550366245.

Dư nợ chưa trả:

Tính đến ngày 24/5/2023, ông TNHA còn nợ AC các khoản sau: Nợ gốc là: 31.717.684 đồng, lãi trong hạn là: 238.000, lãi quá hạn là: 23.393.887 đồng, phạt chậm trả lãi là 809.055 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là: 56.158.626 đồng.

- Khoản nợ nêu trên được bảo đảm bằng biện pháp bảo đảm sau:

Bảo lãnh của bà NLQ theo Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 26/12/2018. Trong đó, bà NLQ cam kết đồng ý:

Cùng trả nợ với bên được cấp tín dụng (ông TNHA) theo đúng kỳ hạn và các nội dung khác của hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng, khế ước nhận nợ và các cam kết khác của bên được cấp tín dụng với AC. AC có quyền yêu cầu một trong hai bên (Bên cam kết và bên được cấp tín dụng) hoặc cả hai bên cùng thực hiện trả nợ.

+ Trả thay cho bên được cấp tín dụng (ông TNHA) các khoản nợ của bên được cấp tín dụng với AC khi bên được cấp tín dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

+ Nghĩa vụ trả nợ bao gồm toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ của bên được cấp tín dụng với AC (gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, các khoản phải trả khác) phát sinh trước hoặc sau thời điểm ký giấy cam kết về việc trả nợ. Số nợ gốc tại một thời điểm không vượt quá 30.000.000 đồng.

AC đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng buộc:

- Ông TNHA trả ngay cho AC tổng dư nợ còn thiếu tính đến ngày 24/5/2023 tổng cộng gốc và lãi là: 56.158.626 (*Năm mươi sáu triệu, một trăm năm mươi tám nghìn, sáu trăm hai mươi sáu*) đồng; trong đó: Nợ gốc là: 31.717.684 đồng, lãi trong hạn là: 238.000 đồng, lãi quá hạn là: 23.393.887 đồng, phạt chậm trả lãi là 809.055 đồng.

- Ông TNHA còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số SHP.CN.173.261218, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của AC tính kể từ ngày 25/5/2024 đến ngày trả hết nợ.

- Thứ tự trả nợ như sau: Nợ gốc, phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

- Bà NLQ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho ông TNHA theo giấy cam kết về việc trả nợ ký ngày 26/12/2018.

- Ông TNHA phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông TNHA, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông TNHA, bà NLQ vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và không tiến hành

được việc lấy lời khai của bị đơn ông TNHA, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà: Đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông TNHA trả ngay cho AC tổng dư nợ còn thiếu tính đến ngày xét xử 24/5/2024 tổng cộng gốc và lãi là: 66.886.986 đồng; trong đó: Nợ gốc là: 21.083.523 đồng, lãi trong hạn là: 10.872.161 đồng, lãi quá hạn là: 33.031.751 đồng, phạt chậm trả lãi là 1.899.551 đồng. Ông TNHA còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số SHP.CN.173.261218, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của AC tính kể từ ngày 25/5/2024 đến ngày trả hết nợ. Thứ tự trả nợ như sau: Nợ gốc, phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn, lãi trong hạn. Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ của mình đối với (AC) thì bà NLQ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho ông TNHA theo giấy cam kết về việc trả nợ ký ngày 26/12/2018. Ông TNHA phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Việc xác định về thẩm quyền; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng; về việc có mặt của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 116, 117, 335, 336, 339, 342, 385, 386, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 90, 91, 94, 95, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn AC: Buộc bị đơn ông TNHA phải trả cho (AC) số tiền tính đến ngày 24/5/2024 tổng cộng gốc và lãi là: 66.886.986 đồng; trong đó: Nợ gốc là: 21.083.523 đồng, lãi trong hạn là: 10.872.161 đồng, lãi quá hạn là: 33.031.751 đồng, phạt chậm trả lãi là 1.899.551 đồng. Bị đơn ông TNHA tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc kể từ ngày 25/4/2024 đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp bị đơn ông TNHA không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ của mình đối với (AC) thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Giấy cam kết trả nợ

ngày 26/12/2018 đối với khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số SHP.CN.173.261218 ngày 26/12/2018 (số tài khoản: 275093579) và thẻ tín dụng số: 4791 392550366245; ngày cấp: 28/11/2018 tính đến ngày xét xử 24/5/2024; về án phí: Ông TNHA phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

+ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1] Ngân hàng AC khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng được ký kết với ông TNHA. Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng trong thời hạn luật định, bị đơn cư trú tại: Số 6T2-4/1 G, phường H, quận I, thành phố Hải Phòng thuộc địa bàn quận I, thành phố Hải Phòng. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2] Việc ký kết các Hợp đồng tín dụng số SHP.CN.173.261218 (số tài khoản: 275093579) ngày 26/12/2018 giữa AC với ông TNHA được xác lập sau thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Về sự vắng mặt của bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

[3] Tại phiên tòa, bị đơn ông TNHA và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn, đại diện Viện kiểm sát không đề nghị hoãn phiên tòa về sự vắng mặt của bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông TNHA, bà NLQ. Vì vậy, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông TNHA, bà NLQ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Xét tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng:

[4] Hợp đồng tín dụng số SHP.CN.173.261218 (số tài khoản: 275093579) ngày 26/12/2018 được ký giữa nguyên đơn và bị đơn tuân thủ các quy định của pháp luật theo Điều 116, Điều 117, Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước khi giao kết nên hợp đồng là hợp pháp. Do vậy làm phát sinh quyền và

nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng theo quy định tại Điều 385, Điều 386 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Xét việc thực hiện hợp đồng của các bên và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản tiền nợ gốc và lãi:

[5] Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn AC đã giải ngân cho bị đơn số tiền vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số SHP.CN.173.261218 (số tài khoản: 275093579) ngày 26/12/2018 là 30.000.000 đồng; căn cứ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của ông TNHA ký ngày 23/11/2018, bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của AC, các văn bản khác của ông TNHA ký với AC về sử dụng thẻ tín dụng chi tiết như sau: Số thẻ tín dụng: 4791 392550366245, ngày cấp: 28/11/2018, loại thẻ: Visa Vàng (thẻ tín dụng Quốc tế), hạn mức thẻ: 24.000.000 đồng; bị đơn đã nhận đủ số tiền, nhưng bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết trong các hợp đồng tín dụng. Do đó, nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn và khởi kiện tại Tòa án là phù hợp với Điều 6 của Hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết và quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Nguyên đơn giao nộp căn cứ chứng minh là bảng sao kê chi tiết nợ gốc theo lịch trình đã trả của các hợp đồng tín dụng đã ký giữa nguyên đơn với bị đơn, được tính từ thời điểm giải ngân đến ngày xét xử ngày 24/5/2024. Xét các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là phù hợp và hợp pháp. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại các điều 385, 386, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn AC số tiền nợ gốc của hợp đồng tín dụng số SHP.CN.173.261218 (số tài khoản: 275093579) ngày 26/12/2018 và Hợp đồng cấp thẻ tín dụng ký ngày 23/11/2018 được tính đến ngày xét xử 24/5/2024 tổng cộng gốc và lãi là: 66.886.986 đồng; trong đó: Nợ gốc là: 21.083.523 đồng, lãi trong hạn là: 10.872.161 đồng, lãi quá hạn là: 33.031.751 đồng, phạt chậm trả lãi là 1.899.551 đồng.

+ Xét cam kết về việc trả nợ ngày 26/12/2018 của Bên cam kết trả nợ bà NLQ.

[6] Ngày 26/12/2018 tại Giấy cam kết về việc trả nợ được thực hiện bởi bà NLQ đại diện cho bên cam kết trả nợ (bên cam kết) với bên được cấp tín dụng ông TNHA đã cam kết trả nợ được ghi nhận tại mục 1: Nghĩa vụ và phạm vi trả nợ: Nghĩa vụ trả nợ bao gồm toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ của Bên được cấp tín dụng với AC (gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí, các khoản phải trả khác) theo các hợp đồng tín dụng...Số nợ gốc tại một thời điểm không vượt quá 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

- Bên cam kết đồng ý cùng trả nợ với bên được cấp tín dụng theo đúng kỳ hạn và các nội dung khác của hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng, khế ước nhận nợ và các cam kết khác của Bên được cấp tín dụng với AC.

- Bên cam kết đồng ý trả thay cho bên được cấp tín dụng các khoản nợ của bên được cấp tín dụng với AC khi Bên được cấp tín dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ.

Như vậy căn cứ vào nội dung của Bản cam kết ngày 26/12/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ đã tự nguyện thực hiện hợp đồng cam kết để bảo lãnh đối với bên được cấp tín dụng ông TNHA là có căn cứ theo quy định tại các điều 335, 336, 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do vậy bà NLQ phải liên đới trả nợ cho AC như nội dung ông đã cam kết theo Hợp đồng tín dụng số SHP.CN.173.261218 (số tài khoản: 275093579) ngày 26/12/2018 và thẻ tín dụng: 4791 392550366245, ngày cấp: 28/11/2018, loại thẻ: Visa Vàng (thẻ tín dụng Quốc tế), hạn mức thẻ: 24.000.000 đồng; theo bảng kê chi tiết gốc, lãi của ông TNHA tạm tính đến ngày xét xử 24/5/2024 là: 66.886.986 đồng; trong đó: Nợ gốc là: 21.083.523 đồng, lãi trong hạn là: 10.872.161 đồng, lãi quá hạn là: 33.031.751 đồng, phạt chậm trả lãi là 1.899.551 đồng.

+ Về yêu cầu trả nợ lãi của nguyên đơn đối với bị đơn:

[7] Xét sự thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Để chứng minh căn cứ của nguyên đơn cung cấp là bảng tính lãi đối với bị đơn theo các hợp đồng tín dụng đã ký từ thời điểm giải ngân các khoản vay đến thời điểm xét xử sơ thẩm phù hợp với chính sách lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Như vậy, bảng tính lãi của Ngân hàng có căn cứ được chấp nhận. Đối chiếu sao kê do AC cung cấp, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 24/5/2024 thì khoản tiền nợ lãi theo Hợp đồng cấp tín dụng số SHP.CN.173.261218 (số tài khoản: 275093579) ngày 26/12/2018 và thẻ tín dụng số thẻ: 4791 392550366245, ngày cấp: 28/11/2018, loại thẻ: Visa Vàng (thẻ tín dụng Quốc tế), Hạn mức thẻ: 24.000.000 đồng. Xét thấy cần chấp nhận yêu cầu trả nợ lãi của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng đối với khách hàng ông TNHA là có căn cứ.

[8] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông TNHA phải trả cho AC số tiền nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 24/5/2024 là: 66.886.986 đồng; trong đó: Nợ gốc là: 21.083.523 đồng, lãi trong hạn là: 10.872.161 đồng, lãi quá hạn là: 33.031.751 đồng, phạt chậm trả lãi là 1.899.551 đồng là có căn cứ được chấp nhận.

[9] Ông TNHA phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc kể từ ngày 25/5/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc, theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ

chức tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay. Trường hợp bị đơn ông TNHA không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ của mình đối với (AC) thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thuý Hồng phải liên đới trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC theo Hợp đồng tín dụng số SHP.CN.173.261218 (số tài khoản: 275093579) ngày 26/12/2018 và thẻ tín dụng số thẻ: 4791 392550366245, ngày cấp: 28/11/201 tính đến ngày 24/5/2024. Tổng cộng là: 66.886.986 đồng; trong đó: Nợ gốc là: 21.083.523 đồng, lãi trong hạn là: 10.872.161 đồng, lãi quá hạn là: 33.031.751 đồng, phạt chậm trả lãi là 1.899.551 đồng.

+ Về án phí:

[10] Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Yêu cầu khởi kiện của AC được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn ông TNHA phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là: 66.886.986 đồng x 5% = 3.344.349. đồng. Trả lại cho AC số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.404.000 đồng.

[11] Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Nguyên đơn AC, bị đơn ông TNHA và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 116, 117, 335, 336, 339, 342, 385, 386, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 90, 91, 94, 95, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC:

Buộc ông TNHA phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC số tiền nợ của Hợp đồng cấp tín dụng số SHP.CN.173.261218 (số tài khoản: 275093579) ngày 26/12/2018 và thẻ tín dụng số thẻ: 4791 392550366245, ngày cấp: 28/11/2018 tính đến ngày 24/5/2024. Tổng cộng là: 66.886.986 (*Sáu mươi sáu triệu, tám trăm tám mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi sáu*) đồng; trong đó: Nợ gốc là: 21.083.523 đồng, lãi trong hạn là: 10.872.161 đồng, lãi quá hạn là: 33.031.751 đồng, phạt chậm trả lãi là 1.899.551 đồng.

2. Trường hợp ông TNHA không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ của mình đối với (AC) thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thuý Hồng phải liên đới trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC theo Hợp đồng tín dụng số SHP.CN.173.261218 (số tài khoản: 275093579) ngày 26/12/2018 và thẻ tín dụng số thẻ: 4791 392550366245, ngày cấp: 28/11/2018, tính đến ngày 24/5/2024. Tổng cộng là: 66.886.986 (*Sáu mươi sáu triệu, tám trăm tám mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi sáu*) đồng; trong đó: Nợ gốc là: 21.083.523 đồng, lãi trong hạn là: 10.872.161 đồng, lãi quá hạn là: 33.031.751 đồng, phạt chậm trả lãi là 1.899.551 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án ông TNHA còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Ông TNHA phải nộp 3.344.349 (*Ba triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn, ba trăm bốn mươi chín*) đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.404.000 đồng (*một triệu bốn trăm linh bốn nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0002506 ngày 11/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông TNHA, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Mười